

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 149/QĐ-NH5

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 1995

QUYẾT ĐỊNH
CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
Về việc ban hành thể lệ tín dụng thuê mua

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước công bố tại Lệnh số 37/LCT-HĐNN8; Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã tín dụng và Công ty Tài chính công bố theo Lệnh số 38/LCT-HĐNN8 ngày 24-5-1990 của Chủ tịch Hội đồng Nhà nước nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ các Định chế tài chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành theo Quyết định này "Thể lệ tín dụng thuê mua".

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh Văn phòng Thống đốc, Vụ trưởng Vụ các Định chế tài chính, Thủ trưởng các đơn vị ở Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Tỉnh, Thành phố, Tổng giám đốc, Giám đốc các Ngân hàng thương mại quốc doanh, Ngân hàng liên doanh, Ngân hàng thương mại cổ phần, Công ty Tài chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

THỂ LỆ
TÍN DỤNG THUÊ MUA

*(Ban hành theo quyết định số 149/QĐ-NH5 ngày 27 tháng 5 năm 1995
của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

I - Những quy định chung

Điều 1:

Tín dụng thuê mua là hoạt động cho thuê máy móc thiết bị và các động sản khác phục vụ cho sản xuất kinh doanh được các tổ chức tín dụng mua theo yêu cầu của bên thuê. Bên thuê thanh toán tiền thuê cho tổ chức tín dụng trong suốt thời hạn thuê đã được hai bên thoả thuận và không được huỷ bỏ. Khi kết thúc thời hạn thuê, bên thuê được quyền sở hữu tài sản thuê, hoặc được mua lại tài sản thuê, hay tiếp tục thuê tài sản thuê theo các điều kiện đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng thuê mua.

Điều 2:

Tổ chức tín dụng (viết tắt là TCTD) thực hiện nghiệp vụ tín dụng thuê mua bao gồm: các Ngân hàng thương mại quốc doanh, Ngân hàng thương mại cổ phần, Ngân hàng liên doanh, Công ty Tài chính.

Điều 3:

TCTD thực hiện nghiệp vụ tín dụng thuê mua được thành lập Công ty cho thuê trực thuộc hoặc phòng tín dụng thuê mua để quản lý, giám sát về hoạt động nghiệp vụ này.

Điều 4:

Bên thuê là các pháp nhân, được thành lập theo Luật pháp Việt Nam, thể nhân, hộ sản xuất trực tiếp sử dụng tài sản thuê của tổ chức tín dụng.

Điều 5:

Tài sản cho thuê là các máy móc thiết bị và các động sản khác đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ của bên thuê, có giá trị sử dụng hữu ích trên một năm, được sản xuất và mua bán tại Việt Nam, nhập khẩu và xuất khẩu ra khỏi Việt Nam.

Điều 6:

Thời hạn cho thuê: là thời gian được Tổ chức tín dụng và bên thuê thoả thuận trong hợp đồng tín dụng thuê mua.

Điều 7:

Một giao dịch tín dụng thuê mua phải đáp ứng ít nhất một trong những yêu cầu sau:

7.1. Khi kết thúc thời hạn thuê theo hợp đồng tín dụng thuê mua, quyền sở hữu tài sản thuê được chuyển cho bên thuê hoặc Bên thuê có quyền lựa chọn mua tài sản thuê theo một mức

giá danh nghĩa được thoả thuận từ trước, thấp hơn giá trị thực tế của tài sản thuê vào ngày mua lại tài sản hay tiếp tục thuê tài sản đó.

7.2. Thời hạn cho thuê ít nhất phải bằng 60% thời gian cần thiết để khấu hao tài sản thuê.

7.3. Tổng số tiền thuê do bên thuê thanh toán cho tổ chức tín dụng trong thời hạn thuê ít nhất phải tương đương với giá trị thị trường của tài sản thuê vào thời điểm ký hợp đồng.

Điều 8:

Phí cho thuê: Căn cứ vào trần lãi suất cho vay cùng kỳ hạn và các chi phí cho thuê, Tổ chức tín dụng quy định mức phí cho thuê phù hợp với thị trường, được bên thuê chấp nhận.

II - Những quy định cụ thể

Điều 9:

Điều kiện để được thuê máy móc thiết bị và các động sản khác dùng cho sản xuất kinh doanh dưới hình thức tín dụng thuê mua:

9.1. Đối với pháp nhân được thành lập và hoạt động theo Luật pháp hiện hành của Việt Nam:

9.1.1. Có tình trạng tài chính lành mạnh;

9.1.2. Có nhu cầu đổi mới trang thiết bị, máy móc nhằm hiện đại hoá và hợp lý hoá sản xuất;

9.1.3. Có những đảm bảo thích hợp cho tài sản thuê, khi TCTD yêu cầu (tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh...).

9.2. Đối với thể nhân, hộ sản xuất, ngoài một số điều kiện quy định tại điểm 9.1 phải có hộ khẩu cùng địa bàn với TCTD.

Điều 10:

TCTD chỉ được dùng vốn tự có và quỹ dự trữ, vốn trung và dài hạn vay trong nước và nước ngoài để thực hiện nghiệp vụ tín dụng thuê mua.

Điều 11:

Tổng giá trị tài sản cho thuê đối với một khách hàng không được quá 10% vốn tự có và quỹ dự trữ; Tổng giá trị tài sản cho thuê đối với 10 khách hàng lớn nhất không được quá 30% tổng dư nợ của TCTD.

Tổ chức tín dụng không được giành quyền ưu đãi cho thuê đối với khách hàng quy định tại điều 30 Pháp lệnh Ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và Công ty tài chính.

Điều 12:

Quyền và nghĩa vụ của TCTD.

12.1. Chịu trách nhiệm về những cam kết của mình đối với khách hàng.

12.2. Yêu cầu bên đi thuê xuất trình các tài liệu, hồ sơ và cung cấp thông tin về tình hình sản xuất khả năng tài chính và các tài liệu khác.

12.3. Từ chối quan hệ với khách hàng nếu thấy việc thuê tài sản không có hiệu quả, bên thuê không có khả năng thanh toán tiền thuê đúng hạn hoặc không trung thực trong việc cung cấp số liệu.

12.4. Được quyền đóng tem xác nhận quyền sở hữu của TCTD đối với máy móc, thiết bị, tài sản cho thuê.

12.5. Được quyền kiểm tra tình hình sản xuất, kinh doanh của bên thuê trước khi thuê và trong thời hạn thuê.

12.6. Đến thời hạn thanh toán, nếu bên thuê không thanh toán tiền thuê, TCTD có quyền trích tài khoản tiền gửi của bên thuê tại TCTD để trả tiền thuê đến hạn cho TCTD.

12.7. TCTD được xét cho gia hạn thanh toán tiền thuê, khi bên thuê tạm thời gặp khó khăn do nguyên nhân khách quan, không thanh toán đúng hạn một kỳ, nhưng bên thuê phải cam kết thanh toán bù vào kỳ sau.

12.8. Nếu không được gia hạn mà bên thuê vẫn vi phạm thoả thuận về thanh toán tiền thuê, hoặc sau khi được gia hạn thanh toán tiền thuê, bên thuê vẫn không có khả năng thanh toán, TCTD có quyền chuyển sang nợ quá hạn đối với số tiền thuê chưa trả, thu hồi toàn bộ tài sản cho thuê, phát mại tài sản thế chấp, yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ.

III - Hợp đồng tín dụng thuê mua

Mục I - Hợp đồng tín dụng thuê mua

Điều 13:

Hợp đồng tín dụng thuê mua (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) là một hợp đồng được ký kết giữa TCTD và bên thuê và là cơ sở pháp lý xác định quyền hạn và trách nhiệm của TCTD và bên thuê trong một giao dịch tín dụng thuê mua.

Điều 14:

Hợp đồng phải thể hiện rõ một trong những nguyên tắc cơ bản của nghiệp vụ tín dụng thuê mua được nêu tại Điều 7 Thẻ lệ này.